

TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP HCM KHOA XÂY DỰNG NGÀNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG		ĐỀ THI CUỐI KỲ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025 Môn: DỰ TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG Mã môn học: BEAE322419 Đề số/Mã đề: DT01 Đề thi có 06 trang. Thời gian: 60 phút. Được phép sử dụng tài liệu. SV làm bài trực tiếp trên đề thi và nộp lại đề
Chữ ký giám thị 1	Chữ ký giám thị 2	
Điểm và chữ ký		
CB chấm thi thứ nhất	CB chấm thi thứ hai	Họ và tên: Mã số SV: Số TT: Phòng thi:

PHIẾU TRẢ LỜI

Hướng dẫn trả lời câu hỏi:

Chọn câu trả lời đúng: × Bỏ chọn: ⊗ Chọn lại: ●

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
a										
b										
c										
d										

Tự luận:

Câu 11 (0,5đ)		Câu 15 (1đ)	
Câu 12 (0,5)		Câu 16 (1đ)	
Câu 13 (1 đ)		Câu 17 (1đ)	
Câu 14 (1đ)		Câu 18 (1đ)	

CÂU HỎI

I. Trắc nghiệm: (10 x 0,3 = 3,0đ) Sinh viên chọn câu trả lời đúng nhất.

1. Cho đơn giá nhân công bậc 3,5/7 là 300000 đồng/công. Tính theo 13/2021/TT-BXD, đơn giá nhân công bậc 4/7 là:
 - a. 274342 đồng/công
 - b. 325658 đồng/công
 - c. 382895 đồng/công
 - d. Tất cả đều sai
2. Định mức xây dựng:
 - a. Do sở xây dựng địa phương ban hành.
 - b. Quy định chi phí hao phí vật tư, nhân công, máy thi công.
 - c. Quy định về mức hao phí vật tư, nhân công, máy thi công.
 - d. Quy định đơn giá nhân công, máy thi công của công việc
3. Mục đích việc lập dự toán:
 - a. Xác định chi phí xây dựng cho dự án.
 - b. Xác định tổng mức đầu tư cho dự án.
 - c. Xác định tất cả các loại chi phí có trong công trình xây dựng.
 - d. Làm căn cứ để phê duyệt dự án xây dựng
4. Công thức tổng quát xác định tổng mức đầu tư.
TMĐT = Chi phí xây dựng + Chi phí thiết bị + Chi phí quản lý dự án + Chi phí khác + A. A là:
 - a. A : Chi phí tư vấn
 - b. A: Chi phí tư vấn + Chi phí dự phòng
 - c. A: Chi phí dự phòng.
 - d. A: Chi phí giải phóng mặt bằng, tái định cư + chi phí tư vấn + dự phòng phí
5. Tổng mức đầu tư của một dự án xây dựng
 - a. Được xác định ở lập báo cáo đầu tư hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình.
 - b. Là tổng số tiền tối đa mà nhà thầu thi công có thể sử dụng để thi công dự án.
 - c. Bao gồm 06 khoản mục chi phí.
 - d. Các câu trên đều sai
6. Chỉ số giá xây dựng
 - a. Dùng để xác định, hiệu chỉnh dự phòng phí do trượt giá tổng mức đầu tư, dự toán.
 - b. Phản ánh mức độ biến động của giá xây dựng giữa các loại công trình.
 - c. Đơn vị chỉ số giá xây dựng là giá tiền trên 1 đơn vị diện tích
 - d. Tất cả các câu trên đều đúng

7. Theo bộ định mức dự toán, công tác “Ván khuôn gỗ cột hình chữ nhật” có đơn vị tính là:
- a. m^2 b. m^3 c. $100 m^2$ d. $100 m^3$
8. Thiết kế 2 bước là:
- a. Thiết kế cơ sở và thiết kế thi công.
b. Thiết kế kết cấu và thiết kế MEP
c. Thiết kế kiến trúc và thiết kế kết cấu.
d. Thiết kế kỹ thuật và thiết kế thi công.
9. Dự toán xây dựng công trình không bao gồm chi phí nào sau đây?
- a. Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
b. Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ
c. Chi phí tư vấn xây dựng
d. Chi phí thiết kế
10. Định mức hao phí ca máy thi công xây dựng mới nhất được quy định **tại phụ lục V của thông tư** nào của Bộ Xây dựng?
- a. Thông tư 10/TT-BXD năm 2021
b. Thông tư 11/TT-BXD năm 2021
c. Thông tư 12/TT-BXD năm 2021
d. Thông tư 13/TT-BXD năm 2021

II. Tự luận:(7,0 đ) Sinh viên **điền kết quả** vào phiếu làm bài:

Dữ liệu cho câu 11 - 14:

Một công trình chung cư gồm có **5 tầng** (không có hầm) tại địa điểm thuộc **Vùng 7** có tổng diện tích sàn là $8500 m^2$. Dự án sẽ xây dựng trong 2 năm, tỉ lệ sử dụng vốn trong năm 1 và 2 lần lượt là 65% và 35%. Chỉ số giá xây dựng trong các năm 2019, 2020, 2021, 2022 lần lượt là 1,13; 1,18; 1,23; 1,28. Các dữ liệu khác như sau:

1.1. Công trình nhà chung cư

Bảng 1. Suất vốn đầu tư xây dựng công trình nhà chung cư Năm 2022

		Đơn vị tính: 1.000 đ/m ² sàn		
		Suất vốn đầu tư	Trong đó bao gồm	
			Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị
		0	1	2
11110.01	Số tầng ≤ 5 không có tầng hầm	7.366	6.225	365
	Có 1 tầng hầm	8.611	7.278	426
	Có 2 tầng hầm	9.715	8.211	481
	Có 3 tầng hầm	10.859	9.178	538
	Có 4 tầng hầm	11.993	10.136	594
	Có 5 tầng hầm	13.119	11.087	649
11110.02	5 < số tầng ≤ 7 không có tầng hầm	9.514	7.416	657

Bảng 95. Bảng hệ số điều chỉnh vùng cho Suất vốn đầu tư

STT	LOẠI CÔNG TRÌNH	Hệ số điều chỉnh vùng cho Suất vốn đầu tư							
		Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8
I	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG DÂN DỤNG								
1	Công trình nhà ở	0,949	0,962	1,024	1,067	1,033	1,037	0,929	1,046
2	Công trình giáo dục, đào tạo, nghiên cứu	0,956	0,949	1,018	1,086	1,026	1,064	0,926	1,039
3	Công trình y tế	0,969	0,951	1,004	1,028	1,013	1,01	0,933	1,023
4	Công trình thể thao	0,928	0,925	0,985	1,02	1,017	1,004	0,912	1,038
5	Công trình văn hóa	0,96	0,956	1,014	1,052	1,032	1,029	0,944	1,05
6	Công trình đa năng; Trụ sở, văn phòng làm việc	0,97	0,958	1,009	1,077	1,043	1,026	0,937	1,052
7	Công trình khách sạn	0,956	0,95	1,012	1,073	1,012	1,033	0,922	1,023

Câu 11 (0,5 đ): Xác định tổng mức đầu tư tại thời điểm 2022 (không bao gồm chi phí dự phòng và chi phí đền bù, tái định cư)?

Câu 12 (0,5 đ): Xác định chỉ số giá xây dựng bình quân liên hoàn? (lấy 3 chữ số lẻ)

Câu 13 (1,0 đ): Xác định tổng mức đầu tư tại thời điểm 2024 (không bao gồm chi phí dự phòng và chi phí đền bù, tái định cư)?

Câu 14 (1,0 đ): Xác định chi phí dự phòng, biết định mức chi phí dự phòng do phát sinh khối lượng khi tính tổng mức đầu tư là 10%. (Dự án làm năm 2025 và 2026)

Dữ liệu cho câu 15-18:

Hạng mục ván khuôn thép móng thuộc một **công trình dân dụng (theo tuyến)** tại

QUẬN 2 - TP HCM bao gồm hai công việc như sau:

- **Công việc 1** làm **2000 m²** ván khuôn móng dài
- **Công việc 2** làm **4000 m²** ván khuôn móng cột

Biết định mức hao phí và đơn giá vật tư như bên dưới:

AF.82500 VÁN KHUÔN MÓNG

Đơn vị tính: 100m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Móng dài	Móng cột
AF.825	Ván khuôn móng	<i>Vật liệu</i>			
		Thép tấm	kg	51,81	51,81
		Thép hình	kg	32,02	35,58
		Que hàn	kg	3,260	3,650
		Vật liệu khác	%	5	5
		<i>Nhân công 4,0/7</i>	công	12,25	26,73
		<i>Máy thi công</i>			
		Máy hàn 23 kW	ca	0,820	0,920
		Máy khác	%	2	2
				11	21

Chủng loại	Thép tấm	Thép hình	Que hàn	Điện
Đơn giá	45 000 đồng/kg	25 000 đồng/kg	35 000 đồng/kg	3000 đồng/kWh

- Các thông số làm việc của Máy hàn sử dụng cho công việc như sau:

Số ca năm	Định mức (%)			Định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng (1 ca)	Nhân công điều khiển máy	Nguyên giá (đồng)
	Khấu hao	Sửa chữa	Chi phí khác			
200	25	4,8	7	48 kWh	1x4/7	16000000

- Đơn giá nhân công và máy thi công tính theo TT13/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng.
Đơn giá nhân công xây dựng bình quân tại khu vực xây dựng công trình theo công bố của tỉnh là 300000 đồng/ công.

- Thuế giá trị gia tăng là 8%

- Bỏ qua vật liệu khác và máy khác trong quá trình tính toán.

- Giả định Chi phí xây dựng trước thuế trong tổng mức đầu tư của dự án được duyệt là bằng chi phí trực tiếp của hạng mục công việc này.

Hãy tính

Câu 15 (1,0 đ): Chi phí vật tư (bỏ qua vật liệu khác) cho cả hạng mục.

Câu 16 (1,0 đ): Chi phí nhân công cho cả hạng mục.

Câu 17 (1,0 đ): Chi phí máy (bỏ qua máy khác) cho cả hạng mục.

Câu 18 (1,0 đ): Chi phí xây dựng sau thuế của hạng mục công việc.

Ghi chú: Cán bộ coi thi không được giải thích đề thi.

Chuẩn đầu ra của học phần (về kiến thức)	Nội dung kiểm tra
G1.1: Phân biệt các loại chi phí dự án, phương pháp lập định mức, đơn giá xây dựng công trình.	Câu: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7,8,9,10

G1.2: Phân tích tình hình biến động giá xây dựng thông qua các chỉ tiêu kinh tế	Câu: 11,12,13,14
G1.3 Lập dự toán cho công trình theo tiêu chuẩn, văn bản hiện hành	Câu: 15,16,17,18

Ngày 26 tháng 12 năm 2024

Trưởng bộ môn

TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP HCM KHOA XÂY DỰNG NGÀNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG		ĐỀ THI CUỐI KỲ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025 Môn: DỰ TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG Mã môn học: BEAE322419 Đề số/Mã đề: DT02 Đề thi có 06 trang. Thời gian: 60 phút. Được phép sử dụng tài liệu. SV làm bài trực tiếp trên đề thi và nộp lại đề
Chữ ký giám thị 1	Chữ ký giám thị 2	
Điểm và chữ ký		
CB chấm thi thứ nhất	CB chấm thi thứ hai	Họ và tên: Mã số SV: Số TT: Phòng thi:

PHIẾU TRẢ LỜI

Hướng dẫn trả lời câu hỏi:

Chọn câu trả lời đúng: × Bỏ chọn: ⊗ Chọn lại: ●

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
a										
b										
c										
d										

Tự luận:

Câu 11 (0,5đ)		Câu 15 (1đ)	
Câu 12 (0,5)		Câu 16 (1đ)	
Câu 13 (1 đ)		Câu 17 (1đ)	
Câu 14 (1đ)		Câu 18 (1đ)	

CÂU HỎI

I. Trắc nghiệm: (10 x 0,3 = 3,0đ) Sinh viên chọn câu trả lời đúng nhất.

1. Cho đơn giá nhân công bậc 3,5/7 là 300000 đồng/công. Tính theo 13/2021/TT-BXD, đơn giá nhân công bậc 5/7 là:
 - a. 274342 đồng/công
 - b. 325658 đồng/công
 - c. 382895 đồng/công
 - d. Tất cả đều sai
2. Định mức xây dựng:
 - a. Do sở xây dựng địa phương ban hành.
 - b. Quy định về mức hao phí vật tư, nhân công, máy thi công.
 - c. Quy định chi phí hao phí vật tư, nhân công, máy thi công.
 - d. Quy định đơn giá nhân công, máy thi công của công việc
3. Tổng mức đầu tư của một dự án xây dựng
 - a. Được xác định ở lập báo cáo đầu tư hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình.
 - b. Là tổng số tiền tối đa mà nhà thầu thi công có thể sử dụng để thi công dự án.
 - c. Bao gồm 06 khoản mục chi phí.
 - d. Các câu trên đều sai
4. Công thức tổng quát xác định tổng mức đầu tư.
TMĐT = Chi phí xây dựng + Chi phí thiết bị + Chi phí tư vấn + Chi phí khác + A. A là:
 - a. A : Chi phí quản lý dự án
 - b. A: Chi phí quản lý dự án + Chi phí dự phòng
 - c. A: Chi phí dự phòng.
 - d. A: Chi phí giải phóng mặt bằng, tái định cư + chi phí quản lý dự án + dự phòng phí
5. Mục đích việc lập dự toán:
 - a. Xác định chi phí xây dựng cho dự án.
 - b. Xác định tất cả các loại chi phí có trong công trình xây dựng.
 - c. Làm căn cứ để phê duyệt dự án xây dựng
 - d. Xác định tổng mức đầu tư cho dự án.
6. Chỉ số giá xây dựng
 - a. Đơn vị chỉ số giá xây dựng là giá tiền trên 1 đơn vị diện tích
 - b. Dùng để xác định, hiệu chỉnh dự phòng phí do trượt giá tổng mức đầu tư, dự toán.
 - c. Phản ánh mức độ biến động của giá xây dựng giữa các loại công trình.
 - d. Tất cả các câu trên đều đúng

7. Theo bộ định mức dự toán, công tác “Ván khuôn gỗ cột hình vuông” có đơn vị tính là:
- a. m^2 b. m^3 c. $100 m^2$ d. $100 m^3$
8. Thiết kế 2 bước là:
- a. Thiết kế kiến trúc và thiết kế kết cấu.
b. Thiết kế cơ sở và thiết kế thi công.
c. Thiết kế kết cấu và thiết kế MEP
d. Thiết kế kỹ thuật và thiết kế thi công.
9. Định mức hao phí ca máy thi công xây dựng mới nhất được quy định **tại phụ lục V của thông tư** nào của Bộ Xây dựng?
- a. Thông tư 11/TT-BXD năm 2021
b. Thông tư 12/TT-BXD năm 2021
c. Thông tư 13/TT-BXD năm 2021
d. Thông tư 14/TT-BXD năm 2021
10. Dự toán xây dựng công trình không bao gồm chi phí nào sau đây?
- a. Chi phí tư vấn xây dựng
b. Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
c. Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ
d. Chi phí thiết kế

II. Tự luận:(7,0 đ) Sinh viên **điền kết quả** vào phiếu làm bài:

Dữ liệu cho câu 11 - 14:

Một công trình chung cư gồm có **5 tầng** (không có hầm) tại địa điểm thuộc **Vùng 6** có tổng diện tích sàn là $7500 m^2$. Dự án sẽ xây dựng trong 2 năm, tỉ lệ sử dụng vốn trong năm 1 và 2 lần lượt là 65% và 35%. Chỉ số giá xây dựng trong các năm 2019, 2020, 2021, 2022 lần lượt là 1,13; 1,18; 1,23; 1,28. Các dữ liệu khác như sau:

1.1. Công trình nhà chung cư

Bảng 1. Suất vốn đầu tư xây dựng công trình nhà chung cư Năm 2022

		Đơn vị tính: 1.000 đ/m ² sàn		
		Suất vốn đầu tư	Trong đó bao gồm	
			Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị
		0	1	2
11110.01	Số tầng ≤ 5 không có tầng hầm	7.366	6.225	365
	Có 1 tầng hầm	8.611	7.278	426
	Có 2 tầng hầm	9.715	8.211	481
	Có 3 tầng hầm	10.859	9.178	538
	Có 4 tầng hầm	11.993	10.136	594
	Có 5 tầng hầm	13.119	11.087	649
11110.02	5 < số tầng ≤ 7 không có tầng hầm	9.514	7.416	657

Bảng 95. Bảng hệ số điều chỉnh vùng cho Suất vốn đầu tư

STT	LOẠI CÔNG TRÌNH	Hệ số điều chỉnh vùng cho Suất vốn đầu tư							
		Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5	Vùng 6	Vùng 7	Vùng 8
I	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG DÂN DỤNG								
1	Công trình nhà ở	0,949	0,962	1,024	1,067	1,033	1,037	0,929	1,046
2	Công trình giáo dục, đào tạo, nghiên cứu	0,956	0,949	1,018	1,086	1,026	1,064	0,926	1,039
3	Công trình y tế	0,969	0,951	1,004	1,028	1,013	1,01	0,933	1,023
4	Công trình thể thao	0,928	0,925	0,985	1,02	1,017	1,004	0,912	1,038
5	Công trình văn hóa	0,96	0,956	1,014	1,052	1,032	1,029	0,944	1,05
6	Công trình đa năng; Trụ sở, văn phòng làm việc	0,97	0,958	1,009	1,077	1,043	1,026	0,937	1,052
7	Công trình khách sạn	0,956	0,95	1,012	1,073	1,012	1,033	0,922	1,023

Câu 11 (0,5 đ): Xác định tổng mức đầu tư tại thời điểm 2022 (không bao gồm chi phí dự phòng và chi phí đền bù, tái định cư)?

Câu 12 (0,5 đ): Xác định chỉ số giá xây dựng bình quân liên hoàn? (lấy 3 chữ số lẻ)

Câu 13 (1,0 đ): Xác định tổng mức đầu tư tại thời điểm 2024 (không bao gồm chi phí dự phòng và chi phí đền bù, tái định cư)?

Câu 14 (1,0 đ): Xác định chi phí dự phòng, biết định mức chi phí dự phòng do phát sinh khối lượng khi tính tổng mức đầu tư là 10%. (Dự án làm năm 2025 và 2026)

Dữ liệu cho câu 15-18:

Hạng mục ván khuôn thép móng thuộc một **công trình dân dụng (theo tuyến)** tại

QUẬN 2 - TP HCM bao gồm hai công việc như sau:

- **Công việc 1** làm **3000 m²** ván khuôn móng dài
- **Công việc 2** làm **5000 m²** ván khuôn móng cột

Biết định mức hao phí và đơn giá vật tư như bên dưới:

AF.82500 VÁN KHUÔN MÓNG

Đơn vị tính: 100m²

Mã hiệu	Công tác xây dựng	Thành phần hao phí	Đơn vị	Móng dài	Móng cột
AF.825	Ván khuôn móng	<i>Vật liệu</i>			
		Thép tấm	kg	51,81	51,81
		Thép hình	kg	32,02	35,58
		Que hàn	kg	3,260	3,650
		Vật liệu khác	%	5	5
		<i>Nhân công 4,0/7</i>	công	12,25	26,73
		<i>Máy thi công</i>			
		Máy hàn 23 kW	ca	0,820	0,920
		Máy khác	%	2	2
				11	21

Chủng loại	Thép tấm	Thép hình	Que hàn	Điện
Đơn giá	45 000 đồng/kg	25 000 đồng/kg	35 000 đồng/kg	3000 đồng/kWh

- Các thông số làm việc của Máy hàn sử dụng cho công việc như sau:

Số ca năm	Định mức (%)			Định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng (1 ca)	Nhân công điều khiển máy	Nguyên giá (đồng)
	Khấu hao	Sửa chữa	Chi phí khác			
200	21	4,8	5	48 kWh	1x4/7	16000000

- Đơn giá nhân công và máy thi công tính theo TT13/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng.
Đơn giá nhân công xây dựng bình quân tại khu vực xây dựng công trình theo công bố của tỉnh là 300000 đồng/ công.

- Thuế giá trị gia tăng là 8%

- Bỏ qua vật liệu khác và máy khác trong quá trình tính toán.

- Giả định Chi phí xây dựng trước thuế trong tổng mức đầu tư của dự án được duyệt là bằng chi phí trực tiếp của hạng mục công việc này.

Hãy tính

Câu 15 (1,0 đ): Chi phí vật tư (bỏ qua vật liệu khác) cho cả hạng mục.

Câu 16 (1,0 đ): Chi phí nhân công cho cả hạng mục.

Câu 17 (1,0 đ): Chi phí máy (bỏ qua máy khác) cho cả hạng mục.

Câu 18 (1,0 đ): Chi phí xây dựng sau thuế của hạng mục công việc.

Ghi chú: Cán bộ coi thi không được giải thích đề thi.

Chuẩn đầu ra của học phần (về kiến thức)	Nội dung kiểm tra
G1.1: Phân biệt các loại chi phí dự án, phương pháp lập định mức, đơn giá xây dựng công trình.	Câu: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7,8,9,10

G1.2: Phân tích tình hình biến động giá xây dựng thông qua các chỉ tiêu kinh tế	Câu: 11,12,13,14
G1.3 Lập dự toán cho công trình theo tiêu chuẩn, văn bản hiện hành	Câu: 15,16,17,18

Ngày 26 tháng 12 năm 2024

Trưởng bộ môn